TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 06- 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Hải
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lưu Đình Tâm
2. Bà Quách Thị Tình

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Tiến Trường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 06 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 03 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 05 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/QĐST – HNGĐ ngày 04 tháng 06 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984
Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Bị đơn: Anh Bùi Văn C, sinh năm 1982
Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Tại phiên toà có mặt chị L và anh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn C kết H tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 01 năm 2010 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hoà hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vã. Nay chị xác định tình cảm với anh C không còn, hạnh phúc đã tan vỡ nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn C.

- Về con chung: Vợ chồng 02 con chung là cháu Bùi A T, sinh ngày 23/11/2010 và cháu Bùi A T1, sinh ngày 23/11/2010. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu anh Bùi Văn C cấp dưỡng

nuôi con chung cùng chị mỗi tháng số tiền 1.500.000 đồng cho một con, cho tới khi mỗi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là anh Bùi Văn C trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 01 năm 2010 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Đây là những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống chưa đến mức phải ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án anh có ý kiến nếu chị L cương quyết yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa anh có ý kiến không đồng ý ly hôn với chị L.

- Về con chung: Vợ chồng 02 con chung là cháu Bùi A T, sinh ngày 23/11/2010 và cháu Bùi A T1, sinh ngày 23/11/2010. Sau khi ly hôn anh đề nghị giao cháu Bùi A T1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi A T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung: Anh Bùi Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Bùi Văn C; Về con chung: Giao cháu Bùi A T1 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Bùi A T cho anh Bùi Văn C trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Bùi Văn C. Anh Bùi Văn Chung cư T2 tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng Viện kiểm sát được biết. Tại phiên tòa các đương sự đều có mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Văn Chung kết H tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 01 năm 2010 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Việc đăng ký kết hôn của chị L và anh C là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thì vợ, chồng sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không cùng quan điểm sống. Quá trình giải quyết vụ án cả chị L và anh C đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Tại phiên tòa anh C có mong muốn vợ, chồng được đoàn tụ nhưng chị L xác định không còn tình cảm với anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ, chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó nên căn cứ điều 51, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn anh C là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về con chung: Vợ, chồng có 02 con chung là cháu Bùi A T, sinh ngày 23/11/2010 và cháu Bùi A T1, sinh ngày 23/11/2010. Chị L có nguyện vọng sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng số tiền 1.500.000 đồng cho mỗi con. Anh C có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi A T, giao cháu Bùi A T1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành lấy ý kiến của cháu Bùi A T và cháu Bùi A T1, nguyện vọng của cháu Bùi A T muốn được ở với bố, cháu Bùi A T1 muốn được ở với mẹ. Xét yêu cầu của chị L và anh C là chính đáng và hợp pháp. Tuy nhiên, HĐXX xét thấy chị L và anh C đều có công việc cụ thể và thu nhập ổn định. Để đảm bảo điều kiện tốt nhất để chăm sóc và chăm lo học hành cho các con và căn cứ nguyện vọng của các con, sau khi ly hôn nên giao cháu Bùi A T cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Bùi A T1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản, công nợ chung: Chị L và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị L là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Bùi Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi A T, sinh ngày 23/11/2010 cho anh Bùi Văn C trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Bùi A T1, sinh ngày 23/11/2010 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Văn C có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số 0003820 ngày 19/3/2025. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Văn C. Chị L và anh C có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Thành Thọ;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Lưu Đình Tâm **Quách Thị Tình** **Bùi Văn Hải**